TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÁNH LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02**/2021/DS-ST.
Ngày: 18 – 01 – 2021.
V/v: *"Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và tranh chấp về hụi".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hạ Hải Hồ.

Các hội thẩm nhân dân : 1. Ông Nguyễn Lắm.

2. Ông Võ Đăng Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Biện Việt Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 337/2020/TLST – DS ngày 02/10/2020; về việc "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và tranh chấp về hụi"; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2020/QĐST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2020 và Thông báo thời gian mở lại phiên Tòa số 40/2020/TB-TA, ngày 28 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ngô Gia H, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn 7, xã Gia An, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn 4, xã Gia An, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Hồng N, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn 7, xã Gia An, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt (Ủy quyền tham gia tố tụng cho chị Ngô Gia Hạnh).

- Anh Lê Văn N, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn 4, xã Gia An, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – chị Ngô Gia H trình bày:

Chị Ngô Gia Hạnh yêu cầu buộc vợ chồng chị Nguyễn Thị Phương T, anh Lê Văn N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng chị H tổng số tiền là **73.600.000 đồng,** không yêu cầu tính lãi; trong đó có 33.600.000 đồng tiền hụi và 40.000.000 đồng tiền vay. Bởi vì ngày 15/7/2018 âm lịch, chị H tham gia tổ hụi 2.000.000 đồng do chị T làm chủ; chị H tham gia một phần hụi, đã góp được 16 kỳ, tương ứng số tiền 25.600.000 đồng. Trong thời gian đang tham gia tổ hụi này thì đến ngày 15/01/2019 âm lịch, chị H tiếp tục tham gia tổ hụi 1.000.000 đồng cũng do chị T làm chủ; chị H đã góp được 10 kỳ, tương ứng số tiền 8.000.000 đồng. Ngoài tham gia chơi hụi với chị H thì ngày 06/9/2020 chị Tcòn vay của chị H 40.000.000 đồng, hai bên không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả. Sau đó chị T tuyên bố vỡ hụi, không còn khả năng thanh toán cho chị H tiền hụi cũng như tiền đã vay nên chị H mới khởi kiện chị T.

[2]. Theo lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, bị đơn - chị Nguyễn Thị Phương T trình bày:

Chị Nguyễn Thị Phương T với vợ chồng chị Ngô Gia H có quen biết với nhau. Trong thời gian quen biết này thì chị H có tham gia hụi do chị T làm chủ, cụ thể: Chị H tham gia tổ hụi 2.000.000 đồng mở ngày 15/7/2018 âm lịch, chị H đã góp hụi được 16 kỳ, tương ứng số tiền 25.600.000 đồng, phần hụi này chị H chưa được nhận. Đến ngày 15/02/2019 âm lịch chị Htiếp tục tham gia tổ hụi 1.000.000 đồng do chị T làm chủ, chị H đã góp hụi được 10 kỳ, tương ứng số tiền 8.000.000 đồng, phần hụi này chị H cũng chưa nhận. Sau đó chị T vỡ hụi và mất khả năng thanh toán, đến nay còn nợ lại chị H là 33.600.000 đồng tiền hụi ở hai tổ hụi. Ngoài chơi hụi ra, vào ngày 06/9/2020 chị Tcó vay của vợ chồng chị H số tiền 40.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi và thời hạn trả. Hiện nay chị T công nhận còn thiếu vợ chồng chị H 33.600.000 đồng tiền hụi và 40.000.000 đồng tiền vay chưa trả; chị T đồng ý trả số tiền còn thiếu này cho chị H chứ không có ý kiến gì. Tuy nhiên, vì bận công việc phải đi làm xa nên chị T không thể đến Tòa án tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải mà xin được xét xử vắng mặt.

[3]. Quá trình tố tụng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – anh Nguyễn Hồng Nam không tham gia tố tụng mà ủy quyền bằng văn bản cho chị Ngô Gia Hđại diện tham gia tố tụng.

[4]. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – anh Lê Văn N: Quá trình xác minh thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án thể hiện anh N có hộ khẩu thường trú tại Thôn 4, xã Gia An, huyện Tánh Linh. Tuy nhiên anh N thường đi làm ăn xa, hiện tại không có mặt ở địa phương. Mặc dù đã được thông báo về việc Tòa án thụ lý vụ án và Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh N vẫn không đến Tòa án để trình bày ý kiến, cung cấp chứng cứ và tham gia tố tụng giải quyết vụ án.

[5].Những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

- Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp cho Tòa án bao gồm: Bản tự khai, giấy vay tiền, sổ theo dõi góp hụi, bản sao chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, giấy chứng nhận kết hôn, đơn từ chối hòa giải và giấy ủy quyền.

- Tài liệu, chứng cứ bị đơn cung cấp cho Tòa án: Đơn xin xét xử vắng mặt.

- Chứng cứ do Tòa án tiến hành thu thập: Biên bản ghi lời khai của chị Ngô Gia Hạnh, chị Nguyễn Thị Phương Trang, biên bản xác minh.

[6]. Những vấn đề các đương sự thống nhất:

Chị Nguyễn Thị Phương T công nhận hiện nay còn thiếu vợ chồng chị Ngô Gia H số tiền 73.600.000 đồng và đồng ý trả cho vợ chồng chị H.

[7]. Những vấn đề các đương sự không thống nhất: Không có.

[8]. Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quá kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và đúng tư cách pháp lý của người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tiến hành lấy lời khai, thu thập chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự về việc giải quyết vụ án. Gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử, hồ sơ và các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tống đạt các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên Tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án*:* Đề nghị Hội đồng xét xử buộc vợ chồng chị Nguyễn Thị Phương T, anh Lê Văn N phải liên đới trả cho vợ chồng chị Ngô Gia H, anh Nguyễn Hồng N số tiền 73.600.000 đồng. Buộc vợ chồng chị T, anh N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe đương sự trình bày; nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên Tòa, bị đơn – chị Nguyễn Thị Phương T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – anh Nguyễn Hồng Nam, anh Lê Văn N đều vắng mặt. Trong đó chị T đã có đơn xin xét xử vắng mặt gửi đến Tòa án, anh N đã có văn bản ủy quyền tham gia tố tụng cho chị Ngô Gia H; riêng anh N vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Do đó, căn cứ vào Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả nợ phát sinh từ các giao dịch dân sự vay tài sản và tham gia hụi. Ngoài ra, các đương sự không có yêu cầu nào khác. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463, 471 của Bộ luật dân sự 2015; Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là *"Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và tranh chấp về hụi"*.

Tranh chấp dân sự quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải ủy thác tư pháp; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều có nơi cư trú tại huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại phiên Tòa, nguyên đơn – chị Ngô Gia H yêu cầu vợ chồng chị Nguyễn Thị Phương T, anh Lê Văn N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng chị H tổng số tiền là 73.600.000 đồng, không yêu cầu tính lãi; trong đó có 33.600.000 đồng tiền hụi và 40.000.000 đồng tiền vay. Tuy vắng mặt tại phiên Tòa nhưng theo lời khai đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, tại các bút lục số 30, 31, 32 và 33; bị đơn – chị Nguyễn Thị Phương T công nhận hiện nay còn thiếu vợ chồng chị H số tiền 73.600.000 đồng; trong đó có 33.600.000 đồng tiền hụi và 40.000.000 đồng tiền vay chưa trả; chị Trang đồng ý trả số tiền còn thiếu này cho vợ chồng chị H chứ không có ý kiến gì. Như vậy Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của chị Hđối với chị T là có căn cứ được chấp nhận theo quy định tại các điều 463, 471 của Bộ luật dân sự 2015. Do chị H không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nghĩa vụ trả tiền: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Ngô Gia H yêu cầu vợ chồng chị Nguyễn Thị Phương Tr, anh Lê Văn N phải có nghĩa vụ liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ còn thiếu cho vợ chồng chị H. Trong khi đó, chị T xác định số tiền còn thiếu vợ chồng chị H là nợ riêng của chị T, vì khi chị T mở tổ hụi và vay tiền của chị Hthì anh N chồng chị T không biết và cũng không tham gia. Tuy nhiên, chị T thừa nhận chơi hụi là để lo chi phí sinh hoạt hàng ngày của gia đình, còn tiền vay của chị H thì mục đích sử dụng để bù đắp vào các khoản tiền chơi hụi đã bị các con hụi hốt nhưng không đóng. Xét hiện nay chị T và anh N vẫn là vợ chồng, đang chung sống với nhau; chị T xác lập giao dịch về hụi và vay tài sản với chị H là để lo chi phí sinh hoạt trong gia đình nên cần buộc anh Nphải liên đới nghĩa vụ với chị T để trả cho vợ chồng chị H số tiền còn thiếu là phù hợp với quy định tại Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên cần buộc vợ chồng chị Nguyễn Thị Phương T, anh Lê Văn N phải có nghĩa vụ liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[6] Về ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh đề nghị Hội đồng xét xử buộc vợ chồng chị Nguyễn Thị Phương T, anh Lê Văn N phải liên đới trả cho vợ chồng chị Ngô Gia H, anh Nguyễn Hồng N số tiền 73.600.000 đồng. Buộc vợ chồng chị T, anh N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho chị H. Xét thấy ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh là có căn cứ và phù hợp nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; các 147, 203, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 463, 471 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Các Điều 27, 37 Luật HNGĐ năm 2014;

- Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – chị Ngô Gia H.

Buộc vợ chồng chị Nguyễn Thị Phương T, anh Lê Văn N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng chị Ngô Gia H, anh Nguyễn Hồng N số tiền là **73.600.000 đồng,** trong đó có 33.600.000 đồng tiền hụi và 40.000.000 đồng tiền vay. Chia phần chị T, anh N mỗi người phải trả cho vợ chồng chị Hạnh, anh Nam số tiền 36.800.000 đồng.

Kể từ ngày 19/01/2021 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí:

Buộc vợ chồng chị Nguyễn Thị Phương T, anh Lê Văn N phải liên đới nộp 3.680.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị Ngô Gia H 1.840.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số N. 0004280, ngày 02/10/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tánh Linh.

- Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18/01/2021). Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- CC THADS h.Tánh Linh;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hạ Hải Hồ